



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ  
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

## BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 15 tháng 10 năm 2026

### 1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

+ **Bữa sáng:** Cari bánh mì + Nui rau củ thịt bò

+ **Bữa trưa:**

- Món mặn: Tôm sốt bơ tỏi

- Món canh: Thịt bò tàu hũ cà chua

- Món xào: Bắp mỹ hấp

- Phụ trưa: Sữa probi (nhà trẻ)

+ **Bữa chiều:**

- Ăn xế: Soup bắp hải sản

### 2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

| Định mức<br>chi tiền ăn trong ngày        |                   | Số suất ăn trong<br>ngày |          | Thực chi          | Chênh<br>lệch cuối<br>ngày (thừa/<br>thiếu) |
|-------------------------------------------|-------------------|--------------------------|----------|-------------------|---------------------------------------------|
|                                           |                   | Nhà trẻ                  | Mẫu giáo | Thực phẩm         |                                             |
| - Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)          | 4,340,000         | 114                      | 320      | 4,198,500         | <b>141,500</b>                              |
| - Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)  | 11,284,000        | 114                      | 320      | 11,425,500        | <b>(141,500)</b>                            |
| <b>Tổng tiền chợ:</b>                     | <b>15,624,000</b> |                          |          | <b>15,624,000</b> | <b>-</b>                                    |
| <b>Tổng số học sinh đi học:</b>           | <b>434</b>        |                          |          |                   |                                             |
| <b>XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family</b> | <b>16.75</b>      |                          |          |                   |                                             |
| + Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)           | 7.61              |                          |          |                   |                                             |
| + Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)           | 9.14              |                          |          |                   |                                             |

### 3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

| SỐ<br>TT | TÊN THỰC PHẨM                                      | ĐVT  | SỐ<br>LƯỢNG | ĐƠN GIÁ<br>( đ ) | THÀNH<br>TIỀN    | GHI CHÚ |
|----------|----------------------------------------------------|------|-------------|------------------|------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Ăn sáng</b>                                     |      |             |                  | <b>4,198,500</b> |         |
| 1        | Khoai môn tàu sơ chế                               | kg   | 4.00        | 60,000           | 240,000          |         |
| 2        | Hành tây                                           | kg   | 2.00        | 25,000           | 50,000           |         |
| 3        | Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)             | Gói  | 1.00        | 4,000            | 4,000            |         |
| 4        | Đường phèn                                         | kg   | 0.50        | 38,000           | 19,000           |         |
| 5        | Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)           | Chai | 1.00        | 23,000           | 23,000           |         |
| 6        | Sả                                                 | kg   | 2.00        | 24,000           | 48,000           |         |
| 7        | Nước cốt dừa 400ml (24 lon/thùng)                  | Lon  | 5.00        | 37,000           | 185,000          |         |
| 8        | Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)                     | Chai | 1.00        | 82,000           | 82,000           |         |
| 9        | Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)                  | Gói  | 0.50        | 43,000           | 21,500           |         |
| 10       | Hành tỏi                                           | kg   | 0.30        | 60,000           | 18,000           |         |
| 11       | Bột năng vinn Thuận 400gr (5 gói/xách; 20 gói/bao) | Gói  | 2.00        | 19,000           | 38,000           |         |
| 12       | Bánh mì gối Quốc Doanh                             | Khúc | 33.00       | 16,000           | 528,000          |         |
| 13       | Sữa tươi Vinamilk 1L có đường (12 hộp/thùng)       | Hộp  | 3.00        | 45,000           | 135,000          |         |
| 14       | Khoai tây Hà Nội sơ chế                            | kg   | 4.00        | 32,000           | 128,000          |         |
| 15       | Cà rốt Hà Nội sơ chế                               | kg   | 4.00        | 32,000           | 128,000          |         |
| 16       | Nui sao rau củ Safoco 500gr (20 gói/thùng)         | Gói  | 4.00        | 40,000           | 160,000          |         |

|                  |                                                     |      |        |         |                   |  |
|------------------|-----------------------------------------------------|------|--------|---------|-------------------|--|
| 17               | Thịt bò đùi                                         | kg   | 8.70   | 270,000 | 2,349,000         |  |
| 18               | Bột cari Ấn Độ (50 gói/hộp)                         | Gói  | 6.00   | 7,000   | 42,000            |  |
| <b>II</b>        | <b>Ăn chính + phụ</b>                               |      |        |         | <b>11,425,500</b> |  |
| 1                | Bột bánh (10 kg/bao)                                | kg   | 1.50   | 37,000  | 55,500            |  |
| 2                | Tàu hũ non (hộp)                                    | Hộp  | 20.00  | 17,000  | 340,000           |  |
| 3                | Cà chua                                             | kg   | 6.00   | 42,000  | 252,000           |  |
| 4                | Tôm loại 1                                          | kg   | 25.80  | 230,000 | 5,934,000         |  |
| 5                | Mực ống vừa                                         | kg   | 3.50   | 260,000 | 910,000           |  |
| 6                | Trứng gà (quả)                                      | Quả  | 44.00  | 3,600   | 158,400           |  |
| 7                | Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai /thùngk) | Chai | 3.00   | 32,000  | 96,000            |  |
| 8                | Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)              | Gói  | 1.00   | 4,000   | 4,000             |  |
| 9                | Đường phèn                                          | kg   | 0.50   | 38,000  | 19,000            |  |
| 10               | Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)            | Chai | 1.00   | 23,000  | 23,000            |  |
| 11               | Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)                      | Chai | 3.00   | 82,000  | 246,000           |  |
| 12               | Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)                   | Gói  | 1.50   | 43,000  | 64,500            |  |
| 13               | Sữa chua uống Probi 65ml (50 hộp/thùng)             | Hộp  | 117.00 | 6,300   | 737,100           |  |
| 14               | Hành tỏi                                            | kg   | 0.30   | 60,000  | 18,000            |  |
| 15               | Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)             | Gói  | 1.00   | 39,000  | 39,000            |  |
| 16               | Bơ Tường An 800gr (12 hộp/thùng)                    | Hộp  | 1.00   | 60,000  | 60,000            |  |
| 17               | Bột năng Vĩnh Thuận 400gr (5 gói/xách, 20 gói/bao)  | Gói  | 8.00   | 19,000  | 152,000           |  |
| 18               | Hành lá                                             | kg   | 0.54   | 50,000  | 27,000            |  |
| 19               | Bắp hạt tươi                                        | kg   | 5.00   | 65,000  | 325,000           |  |
| 20               | Tỏi lột                                             | kg   | 0.50   | 80,000  | 40,000            |  |
| 21               | Thịt bò đùi                                         | kg   | 3.50   | 270,000 | 945,000           |  |
| 22               | Bắp mỹ trái (kg)                                    | kg   | 10.00  | 38,000  | 380,000           |  |
| 23               | Sữa tươi Vinamilk 1L có đường (12 hộp/thùng)        | Hộp  | 2.00   | 45,000  | 90,000            |  |
| 24               | Muối sống (hạt) (50kg/bao)                          | kg   | 1.00   | 6,000   | 6,000             |  |
| 25               | Gạo bồ câu (cỏ may)                                 | kg   | 24.00  | 21,000  | 504,000           |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                     |      |        |         | <b>15,624,000</b> |  |

Bằng chữ: Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng./.



